

- Tên giao dịch quốc tế:

**NHA TRANG GARMENT ACCESSORIES
JOINT STOCK COMPANY;**

- Tên viết tắt: ISE.Co;

- Trụ sở chính: số 2 Nguyễn Thiện Thuật, Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Công ty cổ phần Phụ liệu may Nha Trang kinh doanh các ngành nghề sau:

- Sản xuất và kinh doanh các loại dây khóa kéo, phụ liệu may;

- May mặc;

- Kinh doanh thương mại và dịch vụ;

- Kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Công ty cổ phần Phụ liệu may Nha Trang:

- Là pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp đăng ký kinh doanh, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, hoạt động theo Điều lệ của Công ty cổ phần, Luật Doanh nghiệp.

- Giám đốc và kế toán trưởng Công ty Vật liệu may Nha Trang có trách nhiệm điều hành công việc quản lý doanh nghiệp đến khi bàn giao toàn bộ doanh nghiệp cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty cổ phần phụ liệu may Nha Trang.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định trước đây trái với Quyết định này. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Giám đốc Công ty Vật liệu may Nha Trang, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phụ liệu may Nha Trang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

CÁC BỘ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

QUYẾT ĐỊNH số 31/2001/QĐ-BGDĐT
ngày 30/7/2001 về việc thi điểm tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 29/CP ngày 30/3/1994 của Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 04/1999/QĐ-BGDĐT ngày 11/2/1999 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế về tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập, xét và công nhận tốt nghiệp đại học và cao đẳng hệ chính quy (sau đây gọi là Quy chế 04);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều kiện đào tạo theo học chế tín chỉ.

Để đào tạo theo học chế tín chỉ, các trường đại học, cao đẳng cần có các điều kiện sau:

1. Đã thiết kế hoàn chỉnh chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ. Mỗi ngành đào tạo phải có

nhiều học phần tự chọn để sinh viên có thể lựa chọn theo định hướng phát triển nghề nghiệp.

2. Có đủ các hướng dẫn về tổ chức đào tạo, chương trình đào tạo toàn khóa của từng ngành đào tạo, chương trình chi tiết các học phần, số học phần sẽ bố trí giảng dạy trong từng học kỳ và lịch trình giảng dạy để cung cấp cho sinh viên.

3. Có đủ số lượng giảng viên có trình độ chuyên môn để giảng dạy về lý thuyết, thực hành, thực tập theo yêu cầu chuyên môn.

4. Có đội ngũ giảng viên tham gia làm chủ nhiệm lớp, để giúp đỡ sinh viên trong quá trình học tập.

5. Có đủ sách tham khảo, tài liệu học tập.

Điều 2. Việc áp dụng các quy định của Quy chế 04 đối với hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ.

1. Việc áp dụng các quy định của Quy chế 04 vào đào tạo theo học chế tín chỉ như sau:

Các trường đại học, cao đẳng có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 1 Quyết định này, sau khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức thi điểm đào tạo theo học chế tín chỉ có trách nhiệm áp dụng đầy đủ các quy định tại các Điều 3, 7, 8, 10, 11, 12, 14, 15 của Quy chế 04 vào tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ.

Thay thế cụm từ "đơn vị học trình" trong Quy chế 04 bằng từ "tín chỉ".

2. Các quy định khác của Quy chế 04 được bổ sung và sửa đổi để áp dụng đối với các trường đại học, cao đẳng tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ như sau:

2.1. Các quy định về chương trình đào tạo tại các khoản 1, 2, 3 Điều 1 của Quy chế 04 được áp dụng vào tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ; riêng khoản 4 được sửa đổi như sau:

"a) Tín chỉ là đơn vị dùng để đo khối lượng kiến thức đồng thời là đơn vị để đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên số lượng tín chỉ đã tích lũy được.

Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý

thuyết. Để tiếp thu được 1 tiết học lý thuyết, sinh viên cần ít nhất 2 tiết chuẩn bị cá nhân.

Cứ 30 tiết thảo luận trên lớp, bài tập, thí nghiệm hoặc 45 - 60 tiết thực tập, kiến tập, làm tiểu luận hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp được tính tương đương 1 tín chỉ.

b) Học phần tích lũy là học phần có kết quả thi kết thúc học phần từ 5 điểm trở lên. Điểm trung bình chung của các học phần này gọi là điểm trung bình chung tích lũy. Số tín chỉ của các học phần này được tính là số tín chỉ tích lũy".

2.2. Giữ nguyên quy định tại các khoản 1, 2 Điều 2 của Quy chế 04 và bổ sung khoản 3 với nội dung sau đây:

"Tùy theo khả năng, sinh viên học theo học chế tín chỉ được rút ngắn hoặc kéo dài thêm thời gian học tối đa tương ứng với các khóa học như sau:

Khóa học	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	Rút ngắn tối đa	Kéo dài thêm tối đa
Đại học 4 năm	140	2 học kỳ chính	4 học kỳ chính
Đại học 5 năm	180	3 học kỳ chính	5 học kỳ chính
Đại học 6 năm	220	4 học kỳ chính	6 học kỳ chính
Cao đẳng 3 năm	120	2 học kỳ chính	3 học kỳ chính

Trong các trường đại học, thời gian học khối kiến thức giáo dục đại cương của sinh viên được kéo dài thêm tối đa không quá hai học kỳ".

2.3. Sửa đổi Điều 4 của Quy chế 04 như sau:

"Sau mỗi học kỳ chính, căn cứ vào số học phần sinh viên đã đăng ký và xếp được lịch học, điểm trung bình chung học tập, điểm trung bình chung tích lũy, số học phần và số tín chỉ tích lũy, Hiệu trưởng quy định và thông báo cho sinh viên biết về tiến độ học tập, thưởng, phạt và xử lý học vụ.

a) Sinh viên vi phạm một trong các quy định sau đây phải thôi học:

- Đã hết thời gian tối đa được phép học.
- Có điểm trung bình chung học tập của một học kỳ dưới 3,00.
- Có điểm trung bình chung học tập của hai học kỳ liên tiếp dưới 4,00.
- Đã tự ý bỏ học từ một học kỳ chính trở lên.

b) Sinh viên không thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều 4 này được đăng ký học tiếp".

2.4. Giữ nguyên quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 5 của Quy chế 04.

2.5. Sửa đổi Điều 6 của Quy chế 04 như sau:

"a) Tính từ đầu khóa học, những sinh viên đã có tối thiểu 60% số tín chỉ tích lũy quy định của ngành đang học và:

- Có điểm trung bình chung tích lũy từ 7,00 trở lên được đăng ký học thêm ngành chuyên môn ở cùng nhóm ngành tại trường đang học.
- Có điểm trung bình chung tích lũy từ 8,00 trở lên được đăng ký học thêm ngành chuyên môn ở trường đại học hoặc cao đẳng khác.

b) Thời gian học ngành chuyên môn thứ hai được tính trong tổng thời gian học tối đa quy định cho sinh viên theo học chế tín chỉ.

c) Căn cứ vào khả năng đào tạo, Hiệu trưởng trường đang học, Hiệu trưởng trường tiếp nhận quy định điều kiện đăng ký, sắp xếp ngành học, chương trình và thời gian học ở ngành thứ hai đối với sinh viên.

d) Sinh viên được học thêm ngành chuyên môn được bảo lưu kết quả học tập của những học phần có số tín chỉ tương đương hoặc lớn hơn, có chương trình chi tiết giống nhau từ 80% và kết quả thi kết thúc học phần từ 5,0 điểm trở lên.

đ) Tính đến thời điểm xét của mỗi học kỳ, những sinh viên có trên 90% số tín chỉ tích lũy theo quy định trong chương trình đào tạo của học kỳ đó được đề nghị vào danh sách xét học bổng

và khen thưởng về học tập. Chế độ học bổng, học phí đối với sinh viên được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 54/1998/TTLT ngày 31/8/1998 giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính và Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25/8/1998 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội".

2.6. Sửa đổi Điều 9 của Quy chế 04 như sau:

"Thi kết thúc học phần thực hiện ở cuối mỗi học kỳ. Tùy theo điều kiện của từng trường, Hiệu trưởng quy định số kỳ thi kết thúc học phần ở cuối mỗi học kỳ nhưng không được quá 2. Kỳ thi thứ hai, nếu có do Hiệu trưởng quy định.

Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó và khoảng nửa ngày cho mỗi tín chỉ. Hiệu trưởng quy định thời gian ôn và thi, quy định tỷ trọng của điểm kiểm tra thường kỳ trong điểm thi kết thúc học phần.

Không tổ chức thi ngoài các kỳ thi đã thông báo".

2.7. Giữ nguyên các quy định tại Điều 13 của Quy chế 04 và bổ sung điểm c vào khoản 1 về hình thức học và thi cuối khóa như sau:

"Hình thức sinh viên đại học đăng ký học, thi một số học phần tự chọn có khối lượng từ 10 đến 15 tín chỉ. Tổ chức học, kiểm tra và thi các học phần tự chọn này được thực hiện theo quy định chung về kiểm tra và thi kết thúc học phần".

2.8. Giữ nguyên khoản 2 Điều 16 của Quy chế 04 và sửa đổi khoản 1 như sau:

"Điều kiện tốt nghiệp: Kết thúc khóa học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây thuộc diện xét tốt nghiệp:

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập.

- Có đủ số tín chỉ tích lũy quy định cho mỗi ngành đào tạo (gồm cả đồ án, khóa luận, học phần thi cuối khóa hoặc học phần tự chọn).

- Có các Chứng chỉ giáo dục quốc phòng và Chứng chỉ giáo dục thể chất (đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và giáo dục thể chất)".

2.9. Giữ nguyên các khoản 1, 2, 3 Điều 17 của Quy chế 04 và sửa đổi khoản 4 như sau:

"Những sinh viên không đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp và đã hết thời gian tối đa được phép học thì được cấp giấy chứng nhận về kết quả học tập của các học phần đã học trong chương trình đào tạo của trường. Những sinh viên không đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp nhưng chưa hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 3 năm, được trở về trường thi lại những học phần chưa đạt để đủ điều kiện xét tốt nghiệp".

Điều 3. Tổ chức học theo học chế tín chỉ và đăng ký học của sinh viên.

1. Tổ chức học cần hình thành hai loại lớp học là:

a) Lớp sinh viên được tổ chức cho các sinh viên đăng ký học cùng ngành chuyên môn trong cùng một khóa đào tạo. Lớp sinh viên phải được tổ chức tương đối ổn định từ đầu đến cuối khóa học nhằm duy trì các sinh hoạt đoàn thể, các phong trào thi đua, các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa thể thao và để quản lý sinh viên trong quá trình học tập theo quy định của trường. Mỗi lớp sinh viên có một giảng viên làm chủ nhiệm lớp.

Hiệu trưởng căn cứ vào số lượng sinh viên của mỗi khóa, mỗi ngành đào tạo, đội ngũ giảng viên tham gia làm chủ nhiệm lớp để quy định số lớp sinh viên.

b) Lớp học phần được tổ chức cho các sinh viên đăng ký học cùng một học phần trong cùng một thời điểm. Hiệu trưởng quy định số lượng sinh viên tối thiểu, tối đa cho mỗi lớp học phần sao cho phù hợp với tính chất của từng học phần, đội ngũ giảng viên và điều kiện cơ sở vật chất của trường.

c) Mỗi lớp sinh viên, lớp học phần có một ký hiệu do trường quy định. Trong khóa học, mỗi sinh viên có một mã số để quản lý.

2. Đầu khóa học, trường phải thông báo cho sinh viên về:

a) Chương trình đào tạo toàn khóa của từng ngành đào tạo.

b) Quy chế học tập và các quy định liên quan đến học tập của trường.

c) Quyền và nghĩa vụ của sinh viên.

3. Chậm nhất khoảng một tháng trước khi bắt đầu học kỳ mới, trường phải thông báo và cung cấp các tài liệu hướng dẫn cho sinh viên về:

a) Danh sách các học phần và số lượng tín chỉ của mỗi học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ, điều kiện để đăng ký học các học phần đó.

b) Số lớp học phần dự kiến tổ chức cho mỗi loại học phần và thời khóa biểu của các lớp học phần đó.

4. Đầu mỗi học kỳ, sinh viên phải đăng ký các học phần sẽ học trong học kỳ đó theo phiếu đăng ký do trường quy định. Hiệu trưởng quy định số tín chỉ đăng ký tối đa, tối thiểu cho mỗi học kỳ. Đối với sinh viên có học phần phải đăng ký học lại thì tổng số tín chỉ của các học phần học lại và các học phần mới sẽ học không được vượt quá số tín chỉ tối đa quy định cho một học kỳ.

Sinh viên phải đăng ký học lại các học phần bất buộc nếu kết quả thi kết thúc học phần đó trong kỳ thi thứ nhất và kỳ thi thứ hai (nếu có) đều dưới 5 điểm. Đối với các học phần tự chọn bị điểm dưới 5, sinh viên được phép đăng ký học lại học phần đó hoặc chọn học phần khác thay thế trong số các học phần tự chọn quy định cho mỗi ngành đào tạo.

Sinh viên phải đăng ký và nộp phiếu đăng ký học trong thời hạn quy định của trường.

Hiệu trưởng quy định điều kiện, thủ tục, cách thức đăng ký học đối với sinh viên của trường.

5. Sinh viên có trách nhiệm theo dõi kết quả đăng ký học tại Phòng đào tạo hoặc Văn phòng khoa của trường. Kết quả đăng ký học của mỗi sinh viên được thông báo ở phiếu học tập. Trên

phiếu học tập ghi rõ tên các học phần, số tín chỉ của mỗi học phần và lịch học.

Sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về học tập, tham gia các hoạt động đoàn thể và các sinh hoạt khác theo quy định của trường.

6. Giảng viên chủ nhiệm có trách nhiệm giúp đỡ sinh viên định hướng phát triển nghề nghiệp, hướng dẫn sinh viên lựa chọn, đăng ký các học phần tự chọn, lựa chọn tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc đăng ký các học phần học, thi cuối khóa.

7. Trong mỗi học kỳ, căn cứ vào đăng ký học của sinh viên, trường bố trí lịch học, giảng đường, giảng viên lên lớp cho từng ngành đào tạo của trường. Hiệu trưởng quy định tỷ lệ thời gian học trên lớp (học lý thuyết, làm bài tập, thực hành, thực tập), làm tiểu luận, đồ án, khóa luận và thời gian sinh viên tự học.

Điều 4. Điều khoản thi hành.

1. Quyết định này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm học 2001 - 2002 ở các trường đại học, cao đẳng có đăng ký đào tạo theo học chế tín chỉ và được sự đồng ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với các khóa của các trường đại học, cao đẳng đã tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện cho đến kết thúc khóa học theo quy định đã có của mỗi trường.

3. Vụ Đại học có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, tổng kết việc triển khai thực hiện Quyết định này ở các trường đại học, cao đẳng.

4. Các Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ, Giám đốc các đại học, Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thủ trưởng

TRẦN VĂN NHUNG

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 64/2001/TT-BTC ngày 10/8/2001 hướng dẫn thực hiện Quy chế Quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác.

Thi hành Nghị định số 73/2000/NĐ-CP, ngày 06/12/2000 của Chính phủ về ban hành Quy chế Quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác, Bộ Tài chính hướng dẫn một số điểm thực hiện Quy chế Quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác như sau:

I. VỐN CỦA NHÀ NƯỚC Ở DOANH NGHIỆP KHÁC BAO GỒM

- Các khoản vốn được quy định tại Điều 3 Quy chế Quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Nghị định số 73/2000/NĐ-CP ngày 06/12/2000 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quy chế kèm theo Nghị định số 73/2000/NĐ-CP);

- Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm do chính sách ưu đãi đầu tư của Nhà nước được để lại tăng phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Khoản 30% giá trị vốn cổ phần mà người lao động nộp lại khi chuyển nhượng cổ phần trong doanh nghiệp được giao cho tập thể người lao động theo quy định tại điểm 5 Điều 10 Chương II Nghị định số 103/1999/NĐ-CP ngày 10/9/1999 của Chính phủ về giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp nhà nước;

- Các khoản đầu tư bổ sung khác của Nhà nước vào doanh nghiệp.

II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN VÀ NGƯỜI TRỰC TIẾP QUẢN LÝ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC Ở DOANH NGHIỆP KHÁC

Nhà nước thực hiện việc quản lý phần vốn nhà